HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 /2019/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021; Báo cáo thẩm tra số 95/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 như sau:

*"**1.** Phạm vi điều chỉnh*

Cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh được sản xuất theo hướng hàng hoá tập trung, có thị trường tiêu thụ, gồm:

a) Cây chè đặc sản (Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên).

b) Cây mía.

c) Cây cam sành.

d) Trâu sinh sản, trâu đực giống.

đ) Cá đặc sản (cá Chiên, cá Lăng Chấm, cá Bỗng, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tầm).

e) Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (đối với nội dung hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm)".

2. Sửa đổi, bổ sung Tiết b Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 1 như sau:

"b) Cây mía: Đầu tư trồng mới, trồng lại".

3. Sửa đổi, bổ sung Tiết đ Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 1 như sau:

"*đ) Con cá đặc sản: Đầu tư nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; đầu tư nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP; đầu tư nuôi cá đặc sản tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP".*

4. Sửa đổi, bổ sung Tiết c Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1 như sau:

"c) Con cá đặc sản: Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP; Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá đặc sản tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP".

5. Sửa đổi nội dung hỗ trợ đối với cây mía quy định tại Mục 3 Phụ lục 1.

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ đối với con cá đặc sản quy định tại Mục 5 Phụ lục 1.

7. Sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ đối với con cá đặc sản quy định tại Mục 3 Phụ lục 2.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm)

8. Sửa đổi Điều 2 như sau:

*"**Điều 2.** Trong cùng thời gian, một loài cây trồng hoặc vật nuôi có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì tổ chức, hộ gia đình được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.*

Trong Nghị quyết này, mỗi tổ chức, hộ gia đình được hưởng 01 lần cả chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn và chính sách hỗ trợ đầu tư."

Điều 2. Sửa đổi Tiết a Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021, như sau:

"a) Có từ 0,3 ha đất lâm nghiệp tập trung trở lên, thuộc quy hoạch trồng rừng sản xuất".

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PT và TH tỉnh;
- Lưu: VT (Na).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang
02.08.2019 11:40:31 +07:00

Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 1
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ 01 LẦN LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI TRỒNG MÍA VÀ NUÔI CÁ ĐẶC SẢN QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Mục	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
3	Cây mía	Hỗ trợ đầu tư trồng mới, trồng lại	- Hộ trồng mía ký hợp đồng phát triển vùng nguyên liệu với nhà máy đường; - Quy mô diện tích ≥ 0,2 ha/hộ.	- Định mức cho vay 40 triệu đồng/ha. - Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 50 triệu đồng/hộ.	12 tháng (1 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	100%
5	Con cá đặc sản	Hỗ trợ nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi	- Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Tổng dung tích lồng nuôi ≥ 18m^3	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa: - Hộ nghèo, hộ cận nghèo: 50 triệu đồng/hộ (hộ cận nghèo không có dư nợ tại ngân hàng chính sách, đủ điều kiện vay tại ngân hàng thương mại được vay mức tối đa có hỗ trợ lãi suất 200 triệu đồng/hộ). - Hộ khác: 200 triệu đồng/hộ	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 36 tháng (3 năm)	- Hộ nghèo: 100%; - Hộ cận nghèo: 70%; - Hộ khác: 50%.
			- Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Lồng nuôi có dung tích ≥ 108m^3: Quy mô ≥ 1 lồng/hộ	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 850 triệu đồng/hộ			

Mục	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian cho vay tối đa	Thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay	Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay
5	Con cá đặc sản	Hỗ trợ nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP	- Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Tổng dung tích lồng nuôi: ≥ 100m^3 (đối với nuôi trên sông); ≥ 500m^3 (đối với nuôi trên hồ thủy điện)	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 1.000 triệu đồng/hộ	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	70%
		Hỗ trợ nuôi cá đặc sản tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP	Quy mô nhóm hộ có diện tích ≥ 1 ha liền vùng	Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 1.000 triệu đồng/mô hình	36 tháng (3 năm)	Theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không quá 12 tháng (1 năm)	70%

PHỤ LỤC 2

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ 01 LẦN ĐỐI VỚI NUÔI CÁ ĐẶC SẢN QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Mục	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Điều kiện được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 01 lần
3	Con cá đặc sản	Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện theo tiêu chuẩn VietGAP	- Hộ gia đình đầu tư mới lồng nuôi có kích cỡ theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn; - Tổng dung tích lồng nuôi: ≥ 100m^3 (đối với nuôi trên sông); ≥ 500m^3 (đối với nuôi trên hồ thủy điện).	Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm
		Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP	Quy mô nhóm hộ có diện tích ≥ 1 ha liền vùng	Tối đa 365 triệu đồng/sản phẩm